

# **BUỔI 1: TỔNG QUAN – THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

## **CHƯƠNG I. TỔNG QUAN TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

### **I. TỔNG QUAN VỀ TIỀN TỆ**

#### **1. Một hàng hóa muốn trở thành tiền tệ thì cần thỏa mãn điều kiện cần thiết gì? (Cô Lan)**

Hàng hóa muốn trở thành tiền tệ cần có những thuộc tính sau:

- + Tính được chấp nhận
- + Tính dễ nhận biết
- + Tính có thể chia nhỏ được
- + Tính lâu bền
- + Tính dễ vận chuyển
- + Tính khan hiếm
- + Tính đồng nhất

### **II. CÁC HÌNH THÁI VÀ CẤU TRÚC CUNG TIỀN TỆ**

#### **2. Người ta sử dụng công cụ nào để kiểm soát cung tiền trong lưu thông?**

\* NHTW sử dụng các khối tiền để kiểm soát cung tiền trong lưu thông và thường sử dụng M2 vì M2 phản ứng khá nhạy với các chính sách của nền kinh tế, đảm bảo đầy đủ cho NHTW thực hiện chính sách tiền tệ.

M1 chưa hiệu quả và phản ánh bao quát các phương thức thanh toán

M3, M4 có độ trễ làm giảm hiệu quả quá trình điều chỉnh

Trong đó:

##### **1. Khối tiền giao dịch (M1):**

Tiền mặt lưu hành, thẻ TD, NT tự do chuyển đổi, vàng, ngân phiếu TG không kỳ hạn, TG trên TK có thể phát séc để rút tiền.

##### **2. Khối tiền mở rộng (M2):**

- M1
- TG ngắn hạn, trái phiếu ngắn hạn

##### **3. Khối tiền mở rộng (M3):**

- M2
- TG dài hạn, trái phiếu dài hạn...

##### **4. Khối tiền tài sản (M4), bao gồm:**

- M3
- Các CK có giá có khả năng hoán đổi trên TTTC.

#### **3. Nếu các yếu tố khác không đổi: (Cô Lan)**

##### **M1 sẽ thay đổi như thế nào khi mức giá chung tăng, khi lãi suất tiền gửi, tín phiếu kho bạc tăng?**

Khi mức giá chung tăng người dân cần nhiều tiền mặt trong lưu thông hơn để chi trả cho hàng hóa, dịch vụ nên M1 tăng. Khi lãi suất tiền gửi, tín phiếu kho bạc tăng, người dân sẽ rút bớt tiền, vàng trong lưu thông gửi vào ngân hàng, mua tín phiếu kho bạc làm M1 giảm.

##### **M2 sẽ thay đổi như thế nào khi người dân có xu hướng đổi vàng ra tín phiếu kho bạc, khi thu nhập/GDP tăng?**

$M2 = M1 + TG$  ngắn hạn, trái phiếu ngắn hạn.

Khi dân bán vàng làm M1 giảm, tuy nhiên khi đổi lấy tín phiếu kho bạc thì phần trái phiếu ngắn hạn tăng đúng 1 lượng mà M1 giảm  $\Rightarrow$  M2 không thay đổi

Khi thu nhập/GDP tăng người dân cần lượng tiền, vàng trong lưu thông nhiều hơn, khối lượng tài sản ngắn hạn cũng nhiều hơn nên M2 tăng.

#### **4. Nhược điểm công thức $M2/GDP$ ? (Cô Lan)**

$M2/GDP$  là chỉ số phản ánh mức độ phát triển của hệ thống tài chính. Theo đó, khi khu vực tài chính phát triển thì tỉ lệ này cao và ngược lại.

$M2 = M1 + TG$  ngắn hạn, trái phiếu ngắn hạn

Những nước đang phát triển M1 rất lớn kéo theo M2 cũng lớn khiến tỉ lệ  $M2/GDP$  cao và không phản ánh được thực trạng nền kinh tế.

Ngoài ra hạn chế còn bởi phép đo M2 giữa các quốc gia quy định khác nhau, chỉ số này chỉ phản ánh một phần, có thể sử dụng nhiều chỉ tiêu khác ( $D/GDP$ ,  $CR/GDP$ ,...)

### III. CÁC CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

#### 5. Chức năng của tiền tệ. Trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp, tiền tệ đã phát huy những chức năng gì? (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)

Chức năng của tiền tệ:

- Phương tiện trao đổi: Tiền được sử dụng làm môi giới, trung gian trong trao đổi hàng hóa, vận động đồng thời và ngược chiều với hàng hóa: H - T - H'
  - Thước đo giá trị: Tiền tệ dùng làm thước đo để biểu hiện và đánh giá giá trị của các hàng hóa khác.
  - Phương tiện cất trữ: Khi tiền nằm ngoài lưu thông một thời gian dài với mục đích tích trữ.
  - Phương tiện thanh toán: Khi tiền dùng làm phương tiện để thanh toán các khoản nợ.
- Trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp, tiền tệ giữ chức năng thước đo giá trị

### IV. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH

#### 6. Trình bày khái niệm và mục tiêu của tài chính. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tài chính.

Tài chính là tổng thể các MQH kinh tế nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ, nhằm đáp ứng các nhu cầu của các chủ thể trong nền kinh tế. Ý nghĩa:

- Quản lý các nguồn lực cá nhân
- Tiếp cận với thế giới kinh doanh
- Theo đuổi sở thích và đạt được các cơ hội nghề nghiệp, mở rộng hiểu biết
- Đưa ra những lựa chọn công cộng có hiểu biết

#### 7. Các đặc điểm chính của quỹ tiền tệ. Đặc điểm nào quan trọng nhất? (Cô Lan)

Là một quỹ tiền tệ tập trung, được quản lý bởi các chủ thể chuyên nghiệp nhằm đỡ bỏ giới hạn tài chính cá nhân và tăng tính thanh khoản của các quỹ tài chính.

Các đặc điểm cơ bản:

- + Tính sở hữu: Các quỹ tiền tệ được quản lý bởi các chủ thể chuyên nghiệp
  - + Tính mục đích: Các quỹ tiền tệ được đưa vào để sử dụng cho những mục đích nhất định của các chủ thể trong xã hội.
  - + Tính vận động: Các quỹ tiền tệ được tạo lập và sử dụng thường xuyên, liên tục (phân phối lần đầu và phân phối lại)
- Tính sở hữu là cơ bản nhất và chi phối đến phương thức hoạt động quản lý, xác định mục tiêu của QTT,...

#### 8. Các chức năng cơ bản của tài chính? Mối quan hệ giữa các chức năng đó?

Chức năng phân phối: Là chức năng mà nhờ vào đó, các nguồn tài chính đại diện cho những bộ phận của cải xã hội được đưa vào các quỹ tiền tệ (QTT) khác nhau để sử dụng cho những mục đích nhất định của các chủ thể trong xã hội.

Chức năng giám đốc: Đó là chức năng mà nhờ vào đó việc kiểm tra bằng đồng tiền được thực hiện đối với quá trình vận động của các nguồn tài chính để tạo lập các QTT hay sử dụng chúng theo các mục đích đã định.

Chức năng phân phối của TC là chức năng cơ sở, quan trọng nhất, đòi hỏi sự cần thiết của chức năng giám đốc đảm bảo cho quá trình phân phối được đúng đắn theo mục tiêu đã định. Ngược lại, nhờ sự vận dụng đúng đắn chức năng giám đốc đã làm cho chức năng phân phối của tài chính có điều kiện phát triển.

#### 9. Một quan hệ kinh tế muốn được coi là quan hệ tài chính phải thỏa mãn được những đặc trưng gì?

- Là một quan hệ phân phối
- Quá trình phân phối này chủ yếu được thực hiện dưới dạng giá trị
- Có một quỹ tiền tệ được tạo lập và/hoặc sử dụng

### V. HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

#### 10. Hệ thống tài chính là gì? Chức năng và cấu trúc của hệ thống tài chính?

- HTTC là tổng thể các hoạt động tài chính trong các lĩnh vực khác nhau, nhưng có quan hệ hữu cơ với nhau về việc hình thành và sử dụng các QTT của các chủ thể trong nền kinh tế.

- Chức năng:

- + Cầu nối giữa tiết kiệm và đầu tư
- + Cung cấp các cách thức quản trị rủi ro
- + Vận hành hệ thống thanh toán
- + Cung cấp cơ chế tổng hợp các nguồn lực và phân chia quyền sở hữu trong các doanh nghiệp khác nhau
- + Cung cấp thông tin về giá nhằm giúp phối hợp việc ra quyết định không tập trung trong các lĩnh vực khác nhau của nền

kinh tế

+ Cung cấp các cách thức giải quyết vấn đề thông tin không cân xứng

- Cấu trúc:

Đứng trên giác độ luân chuyển vốn thì hệ thống tài chính bao gồm:

+ Người tiết kiệm

+ Người đầu tư

+ Các trung gian tài chính

+ Thị trường tài chính

Trên giác độ tạo lập và sử dụng QTT thì HTTC do nhiều khâu tài chính hợp thành:

+ Khâu tài chính là nơi hội tụ của các nguồn tài chính, nơi diễn ra việc tạo lập và sử dụng các QTT gắn liền với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chủ thể trong nền kinh tế.

### **11. Xác định vị trí của các khâu tài chính độc lập trong Hệ thống tài chính. Thị trường tài chính có phải là khâu tài chính độc lập trong hệ thống tài chính hay không? Vì sao? (Cô Lan)**

- 3 tiêu chí:

1. Phải là một điểm hội tụ của các nguồn TC, là nơi thực hiện việc "bơm" và "hút" các nguồn TC gắn với việc tạo lập và sử dụng các QTT tương ứng;

2. Nếu ở đó các hoạt động TC luôn gắn liền với một chủ thể phân phối cụ thể, xác định

3. Được xếp vào cùng một khâu TC nếu ở đó các hoạt động TC có tính đồng nhất về hình thức các quan hệ TC và tính mục đích của QTT trong lĩnh vực hoạt động.

- Các khâu trong hệ thống tài chính:

1. Ngân sách nhà nước: là khâu chủ đạo trong HTTC quốc gia. Đây là một "tụ điểm" của các nguồn TC gắn với việc tạo lập và sử dụng QTT tập trung của Nhà nước - quỹ NSNN phục vụ cho hoạt động của Nhà nước

2. Tài chính DN: là khâu cơ sở trong HTTC quốc gia. Đây là một "tụ điểm" của các nguồn TC gắn với việc tạo lập và sử dụng QTT riêng có của DN phục vụ cho hoạt động SXKD của DN.

3. Tín dụng: là một khâu quan trọng của HTTC. Tín dụng chính là "tụ điểm" của các nguồn tài chính tạm thời nhàn rỗi. Quỹ tín dụng được tạo lập bằng việc thu hút các nguồn TC tạm thời nhàn rỗi, sau đó quỹ này được sử dụng để cho vay, theo nguyên tắc hoàn trả có thời hạn và có lợi tức.

4. Bảo hiểm (BH): Bảo hiểm là một khâu trong hệ thống tài chính BH có nhiều hình thức và nhiều QTT khác nhau, nhưng tính chất chung và đặc biệt của các quỹ BH là được tạo lập và sử dụng để bồi thường tổn thất cho những chủ thể tham gia BH tùy theo mục đích của quỹ.

5. Tài chính các tổ chức XH và tài chính hộ gia đình: Đây là một "tụ điểm" của các nguồn TC gắn với việc tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ riêng có của các tổ chức XH hoặc hộ GD phục vụ cho mục đích tiêu dùng của tổ chức XH hoặc hộ GD.

\* Thị trường tài chính không phải là khâu độc lập trong hệ thống tài chính vì nó không gắn liền với một chủ thể phân phối xác định mà nó là môi trường cho các khâu tài chính hoạt động.

### **12. Đối tượng của chức năng phân phối là gì? Tại sao phải phân phối lại? Nhà nước tham gia vào quá trình phân phối tài chính ở giai đoạn phân phối lần đầu hay phân phối lại? (Cô Lan)**

Đó là chức năng mà nhờ vào đó, các nguồn tài chính đại diện cho những bộ phận của cải xã hội được đưa vào các quỹ tiền tệ (QTT) khác nhau để sử dụng cho những mục đích nhất định của các chủ thể trong xã hội.

Phân phối của tài chính bao gồm 2 quá trình: Phân phối lần đầu và phân phối lại

- Phân phối lần đầu tiến hành trong quá trình sản xuất nhằm hình thành các quỹ tiền tệ để:

+ Bù đắp chi phí nguyên vật liệu tiêu hao

+ Hình thành quỹ lương, quỹ bảo hiểm

+ Thu nhập cho các chủ thể sở hữu vốn, tài nguyên

- Phân phối lại nhằm tiếp tục phân phối những phần thu nhập cơ bản trong phân phối lần đầu ra phạm vi xã hội rộng hơn, những mục tiêu chi tiết cụ thể hơn của quỹ tiền tệ, đảm bảo cho bộ phận phi sản xuất tồn tại và hoạt động, đảm bảo công bằng xã hội.

Nhà nước tham gia vào quá trình phân phối tài chính ở cả phân phối lần đầu lẫn phân phối lại gắn với quỹ tiền tệ NSNN

### 13. Phân phối tài chính trên thị trường tuân theo quy luật nào? Hệ quả? Để giải quyết chính phủ thường làm gì? (Cô Lan)

Phân phối tài chính trên thị trường tuân theo quy luật sở hữu nguồn lực.

Hệ quả làm cho những chủ thể, ngành kinh tế có khả năng tiếp cận nguồn lực cao, tạo lợi nhuận cao dễ dàng phát triển còn những chủ thể, ngành kinh tế khó có khả năng tiếp cận nguồn lực, tạo lợi nhuận thấp khó khăn trong phát triển, dẫn đến tình trạng chênh lệch giàu nghèo trong xã hội, chênh lệch mức lợi nhuận giữa các ngành,...

Chính phủ nên áp dụng các biện pháp đánh thuế vào những chủ thể tạo lợi nhuận cao cũng như trợ cấp, hỗ trợ phát triển cho các chủ thể khó có khả năng tiếp cận nguồn lực, chủ thể hoạt động vì mục đích xã hội, công cộng,...

## CHƯƠNG III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

### I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

#### 1. Khái niệm và vai trò của thị trường tài chính?

- TTTC là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi mua bán quyền sử dụng các nguồn TC giữa các chủ thể KT với nhau thông qua những phương thức giao dịch và công cụ TC nhất định.

- Vai trò:

+ Thu hút, huy động các nguồn TC trong và ngoài nước để tài trợ cho nhu cầu đầu tư và tiêu dùng.

+ Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư.

+ Thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính.

+ Vai trò trong việc thực hiện chính sách tài chính, chính sách tiền tệ của Nhà nước.

### II. PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

#### 2. Trình bày cách phân loại thị trường tài chính theo các phương thức khác nhau

Theo phương thức huy động nguồn TC:

+ Thị trường nợ

+ Thị trường vốn cổ phần

Theo sự luân chuyển các nguồn TC:

+ Thị trường sơ cấp

+ Thị trường thứ cấp

Căn cứ vào tính chất pháp lý:

+ Thị trường chính thức

+ Thị trường không chính thức

Căn cứ vào thời gian sử dụng nguồn TC:

+ Thị trường tiền tệ

+ Thị trường vốn

#### 3. Phân biệt thị trường sơ cấp và thứ cấp. Mối quan hệ giữa chúng. (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)

- Giống nhau:

+ Đều là bộ phận TTCK

+ Cùng sử dụng các công cụ là các loại chứng khoán

+ Cùng có đối tượng mua bán đều là quyền sở hữu các nguồn tài chính

- Khác nhau:

	Thị trường sơ cấp	Thị trường thứ cấp
<b>Khái niệm</b>	Là thị trường mua bán các chứng khoán lần đầu được phát hành, bán cho các nhà đầu tư để thu hút vốn	Là thị trường lưu thông, nơi diễn ra các quan hệ mua đi bán lại các chứng khoán được phát hành ở thị trường sơ cấp
<b>Quan hệ</b>	Quan hệ giữa người phát hành và nhà đầu tư	Quan hệ giữa các nhà đầu tư với nhau
<b>Chức năng môi giới</b>	Người môi giới làm bảo lãnh	Người môi giới làm môi giới
<b>Cơ chế hoạt động</b>	Trực tiếp, ủy thác, đấu giá thực hiện qua các hợp đồng	Theo cơ chế ghép lệnh, chủ yếu thông qua lệnh mua và bán chứng khoán
<b>Giá cả</b>	Là lợi tức chứng khoán	Là thị giá chứng khoán
<b>Chức năng</b>	Dẫn vốn vào nền kinh tế làm tăng vốn đầu tư	Lưu thông chứng khoán nhưng không làm tăng

		vốn đầu tư vào nền kinh tế
<b>Mức độ</b>	Diễn ra không thường xuyên	Diễn ra thường xuyên, liên tục
<b>Tính luân chuyển</b>	Ít linh hoạt	Linh hoạt do tính thanh khoản cao của chứng khoán
<b>Thu nhập</b>	Lợi tức chứng khoán	Chênh lệch thị giá chứng khoán
<b>Tính đầu cơ</b>	Thấp	Cao

- Mỗi quan hệ: Thị trường sơ cấp tạo hàng hóa cho thị trường thứ cấp, thị trường thứ cấp hoạt động tích cực, nhu cầu trên thị trường thứ cấp tăng lên sẽ tác động ngược trở lại đến thị trường sơ cấp, thúc đẩy thị trường sơ cấp phát hành chứng khoán mới.

### III. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN

#### 4. Hãy so sánh sự khác nhau cơ bản giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)

<b>Thị trường tiền tệ</b>	<b>Thị trường vốn</b>
TT tiền tệ là một bộ phận của TTTC được chuyên môn hóa đối với các nguồn TC ngắn hạn.	TT vốn là một bộ phận của TTTC được chuyên môn hóa đối với các nguồn TC dài hạn.
Đối tượng của TT tiền tệ: là quyền sử dụng các nguồn TC ngắn hạn (thời hạn trong vòng một năm). Hàng hóa của TT tiền tệ: chủ yếu là các chứng khoán ngắn hạn tính thanh khoản cao và ít rủi ro.	Đối tượng của TT vốn là quyền SD các nguồn TC dài hạn đầu tư dài hạn vào SXKD. Hàng hóa của TT vốn là các khoản vay hay chứng khoán có thời hạn trên một năm, thanh khoản thấp hơn, nhiều rủi ro.
Huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi đến người cần sử dụng. Tạo thanh khoản cho nền kinh tế Là môi trường để NHTW thực hiện chính sách tiền tệ	Cung cấp kênh huy động vốn cho doanh nghiệp Cung ứng vốn cho nền kinh tế Là môi trường cho các nhà đầu tư dài hạn
- Căn cứ vào phạm vi của các đối tượng giao dịch: + Thị trường tiền tệ liên ngân hàng + Thị trường tiền tệ mở rộng (thị trường mở) - Căn cứ vào đặc điểm các loại hàng hoá giao dịch: + Thị trường giao dịch khoản vốn vay ngắn hạn trực tiếp + Thị trường giao dịch mua bán các loại chứng khoán ngắn hạn + Thị trường ngoại hối	- TT cho vay dài hạn (thị trường cho vay thế chấp) - TT cho thuê tài chính - TT chứng khoán (TTCK): + TT sơ cấp + TT thứ cấp bao gồm * TTCK tập trung (Sàn giao dịch) * TTCK bán tập trung: thị trường UPCOM * TTCK phi tập trung (OTC).

#### 5. Trình bày đặc điểm hàng hóa (chứng khoán) của thị trường tài chính

- Tính thanh khoản

Hai điều kiện để đảm bảo tính thanh khoản của mỗi CK:

- + Thời gian chuyển đổi phải nhanh chóng và phí tổn thấp
- + Đồng vốn của chứng khoán phải được đảm bảo tránh được sự thăng trầm giá cả của thị trường

- Tính rủi ro

Hai loại rủi ro tác động tới giá chứng khoán:

- + Rủi ro hệ thống (lạm phát, lãi suất, cung- cầu...)
- + Rủi ro phi hệ thống (rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính..)

- Tính sinh lời

Thu nhập từ chứng khoán:

- + Lãi từ tổ chức phát hành thực hiện
- + Chênh lệch giá mua và bán

#### 6. Trình bày các chủ thể và hàng hóa (công cụ) của thị trường tiền tệ

- Các chủ thể tham gia:

- + NHTW
- + Các NHTM
- + Các DN, hộ gia đình và các cá nhân
- + Các tổ chức tài chính phi ngân hàng
- + Các nhà môi giới chuyên nghiệp
- Các hàng hóa:



- + Tín phiếu kho bạc (T-Bill).
- + Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được (NCDs).
- + Thương phiếu (CP)
- + Chấp phiếu của ngân hàng (BA).
- + Các hợp đồng mua lại (Repo).
- + Tín phiếu ngân hàng trung ương (CBB)
- + Đô la Châu Âu (Euro)

## 7. Trình bày các chủ thể và hàng hóa (công cụ) của thị trường vốn

- Các chủ thể tham gia
- + Chủ thể phát hành CK
- + Nhà đầu tư
- + Các công ty KD trên TTCK
- + Người tổ chức thị trường
- Các hàng hóa:
- + Trái phiếu: Là chứng khoán xác nhận quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu với phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
- + Cổ phiếu: Là chứng khoán được phát hành dưới dạng chứng chỉ hay bút toán ghi sổ xác định rõ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của người sở hữu cổ phiếu đối với tài sản hoặc vốn của công ty cổ phần.
- + Chứng khoán phái sinh: Là một loại tài sản tài chính có dòng tiền trong tương lai phụ thuộc vào giá trị của một hay một số tài sản tài chính khác.

## 8. So sánh trái phiếu, cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi. (Cô Lan + Cô Hồng + Cô Hà Thanh)

	<b>Trái phiếu</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	<b>Cổ phiếu thường</b>
<b>Thu nhập</b>	Tiền lãi định kỳ	Cổ tức xác định trước và không phụ thuộc nhiều kết quả SXKD	Cổ tức xác định sau và phụ thuộc kết quả SXKD
<b>Quyền</b>	Chủ nợ Quyền nhận tiền lãi đã xác định từ trước Không có quyền quản lý công ty. Được hoàn trả tiền đầu tiên khi công ty giải thể (phải tuyên bố phá sản khi không hoàn trả được nợ gốc)	Chủ sở hữu Quyền nhận cổ tức trước các cổ đông có cổ phiếu thường. Không được tham gia quản lý công ty Quyền được chia tài sản khi công ty giải thể (trước cổ phiếu thường)	Chủ sở hữu Quyền được nhận cổ tức Quyền được tham gia quản lý công ty (Quyền bỏ phiếu bầu và tham gia Hội đồng quản trị, kiểm tra sổ sách của công ty) Quyền được chia tài sản khi công ty giải thể.
<b>Thuế phải nộp</b>	Tiền lãi tính vào chi phí kinh doanh nên không bị đánh thuế (lãi chắn thuế)	Không được miễn thuế	Không được miễn thuế

## 9. Người ta sử dụng các công cụ phái sinh trên thị trường tài chính là nhằm mục đích gì? So sánh sự giống và khác nhau giữa hợp đồng tương lai và hợp đồng kỳ hạn. (Cô Lan)

Người ta sử dụng các công cụ phái sinh trên thị trường tài chính nhằm mục đích đầu cơ hoặc phòng ngừa rủi ro do sự biến động tỷ giá, giá cả, lãi suất,...

So sánh hợp đồng tương lai và hợp đồng kỳ hạn:

- Hợp đồng kỳ hạn: Là thỏa thuận mua hoặc bán một tài sản cơ sở ở mức giá xác định tại một thời điểm trong tương lai
- Hợp đồng tương lai: Là thỏa thuận giữa người mua và người bán về một hàng hóa được giao vào một thời hạn trong tương lai và tại một mức giá nhất định

<b>Hợp đồng kỳ hạn</b>	<b>Hợp đồng tương lai</b>
Là thỏa thuận song phương giữa các bên liên quan, phi tập trung (OTC)	Được niêm yết, giao dịch tập trung có tổ chức trên SGD, là hàng hóa của TTCK
Giá được ấn định theo thỏa thuận các bên tham gia	Giá được điều chỉnh hàng ngày theo điều kiện thị trường
Là hợp đồng không được tiêu chuẩn hóa, phụ thuộc vào người mua và người bán	Là hợp đồng được tiêu chuẩn hóa, không thương lượng được.
Tính thanh khoản thấp hơn, rủi ro cao hơn	Tính thanh khoản cao hơn, rủi ro thấp hơn